

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2022

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

2. Ông Bùi Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Duy T** – sinh năm 1989;

ĐKKHKT: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang làm việc tại Đài Loan.

- Người được anh T ủy quyền nuôi con chung: **Bà Nguyễn Thị P** – sinh năm 1958; (mẹ đẻ anh T)

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị N, anh T, bà P đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị N có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và Anh Nguyễn Duy T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 03/01/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không tìm thấy tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Sau đó, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Nay chị

xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Nguyễn Duy T.

Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N và Anh Nguyễn Duy T có hai con chung là Nguyễn Bảo N - sinh ngày 27/10/2017 và Nguyễn Bảo H – sinh ngày 09/4/2019. Hiện con N đang ở chị N, con H đang ở với vợ chồng bà Nguyễn Thị P là bố mẹ đẻ anh T. Ly hôn, chị và anh T thống nhất: Chị N tiếp tục nuôi dưỡng con N, anh T tiếp tục nuôi dưỡng con H, hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, Anh Nguyễn Duy T trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Bảo N - sinh ngày 27/10/2017 và Nguyễn Bảo H – sinh ngày 09/4/2019. Ly hôn, anh đồng ý Chị N nuôi dưỡng con N, anh nuôi dưỡng con H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện tại anh đang làm việc tại nước ngoài nên anh ủy quyền cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con H cho đến khi anh về nước.

Về tài sản: Anh và Chị N không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản làm việc ngày 14/10/2022 của Tòa án với bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ anh T trình bày:*

Chị N và anh T có quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và khi chung sống có xảy ra mâu thuẫn như chị N trình bày là đúng. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh T, anh T đồng ý ly hôn và không yêu cầu giải quyết về tài sản. Anh T và chị N đã thống nhất thỏa thuận về nuôi dưỡng con chung như hai anh chị trình bày. Bà nhận ủy quyền nuôi con H của anh T trong thời gian anh T không ở Việt Nam.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh T, xử giao con Nguyễn Bảo N cho chị N nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Bảo H anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Duy T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào Văn bản số 16896/QLXNC-P5 ngày 15/8/2022 của Cục xuất nhập cảnh, Bộ công an xác định anh T hiện đã xuất cảnh khỏi lãnh thổ Việt Nam và chưa nhập cảnh về nước, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại UBND xã V, Cục xuất nhập cảnh Bộ công an về việc anh T đã xuất cảnh nên theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ anh T trình bày anh T biết chị N xin ly hôn anh, ông bà đã thông báo cho anh T các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T vẫn liên lạc về gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể cho gia đình được biết và nay anh T vẫn không về tham gia tố tụng. Vì vậy Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật về trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Các đương có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy chị N, anh T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2019 đến nay chưa về nước. Anh T đã biết việc chị N xin ly hôn do bà P thông báo, anh T không về Việt Nam để làm việc với Tòa án nhưng đã gửi văn bản ý kiến trực tiếp của mình về cho Tòa án với nội dung anh đồng ý ly hôn chị N. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị N, anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị N, anh T có hai con chung là Nguyễn Bảo N - sinh ngày 27/10/2017 và Nguyễn Bảo H – sinh ngày 09/4/2019. Chị N, anh T đều thống nhất: Giao con Nguyễn Bảo N cho chị N nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Bảo H anh T trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T có văn bản ủy quyền cho bà P nuôi dưỡng con H trong thời gian anh T ở nước ngoài văn bản ủy quyền hợp pháp, bà P đồng ý nhận nuôi cháu H vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy con N ở với chị N, anh T không có mặt tại Việt Nam nhưng con H đã ở với ông bà nội khỏe mạnh, cuộc sống của cháu không bị thay đổi để việc học tập của cháu được ổn định. Do đó cần xử giao các con chung như nguyện vọng của chị N và anh T, chấp nhận việc hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Duy T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con Nguyễn Bảo N - sinh ngày 27/10/2017 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Bảo H – sinh ngày 09/4/2019 cho anh Nguyễn Duy T trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam, bà Nguyễn Thị P (bà nội) là người trực tiếp nuôi dưỡng con H cho đến khi anh T về nước. Anh T và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị N, anh T có quyền thăm nom các con chung. Chị N, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi các con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0005407 ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày đều kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- UBND xã V, H. V, tỉnh Thái Bình
- (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng

